

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VỊ THỦY
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 186/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 28 – 8 – 2020

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỊ THỦY
TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Lư Trường Tây

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Em

Bà Nguyễn Thị Tua

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Phương Khánh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Ông Trương Văn Phụng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 110/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2020 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 84/2020/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim D, sinh năm: 1967.

Địa chỉ: ấp 4, xã H, huyện V, tỉnh Hậu Giang (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Duy P, sinh năm: 1963.

Địa chỉ: ấp 4, xã H, huyện V, tỉnh Hậu Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim D và ông Nguyễn Duy P tự nguyện tiến tới hôn nhân và tổ chức lễ cưới năm 1985 và chung sống với nhau,

không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc nhưng về sau vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông P không lo làm ăn, chỉ lo ăn nhậu và lười lao động. Đến năm 1998 ông P bỏ đi biệt tích nên bà Nguyễn Thị Kim D có yêu cầu Tòa án tuyên bố ông Nguyễn Duy P mất tích. Tại Quyết định số 154/2019/QĐST-VDS ngày 24 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang tuyên bố ông Nguyễn Duy P là người mất tích.

Về con chung: Có 04 người con tên Nguyễn Thị Anh T, sinh năm: 1986 (Giới tính: Nữ); Nguyễn Thị Huyền K, sinh năm: 1990 (Giới tính: Nữ); Nguyễn Duy K, sinh năm: 1996 (Giới tính: Nam) và Nguyễn Duy L, sinh năm: 1999 (Giới tính: Nam). Các người con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Trong quá trình tiến hành tố tụng, từ khi Tòa án thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã triệu tập, niêm yết văn bản tố tụng hợp lệ đối với bị đơn ông Nguyễn Duy P để tiến hành phiên họp, phiên hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do nên Tòa án không ghi được lời khai của bị đơn cũng như bị đơn không thể hiện ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký, nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn, Tòa án đã tiến hành việc tổng đạt, niêm yết văn bản tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim D được ly hôn với ông Nguyễn Duy P. Về con chung đã trưởng thành nên không giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã thể hiện trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại tòa án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại Quyết định số 154/2019/QĐST-VDS ngày 24 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang tuyên bố

ông Nguyễn Duy P là người mất tích. Tòa án tiến hành niêm yết vắng bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bị đơn ông Nguyễn Duy P.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án “Tranh chấp hôn nhân và gia đình về tranh chấp ly hôn”, căn cứ theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời khai của bà Nguyễn Thị Kim D tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định bà Nguyễn Thị Kim D và ông Nguyễn Duy P chung sống với nhau từ năm 1985 không có đăng ký kết hôn. Tuy nhiên, theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 thì quan hệ hôn nhân của bà Nguyễn Thị Kim D và ông Nguyễn Duy P được pháp luật công nhận là hợp pháp.

[4] Xét yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Kim D: Xét thấy, ông Nguyễn Duy P đã bị Tòa án tuyên bố mất tích. Theo quy định tại khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Trường hợp vợ hoặc chồng của người bị Tòa án tuyên bố mất tích yêu cầu ly hôn thì Tòa án giải quyết cho ly hôn”*. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Kim D là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về con chung: Có 04 người con tên Nguyễn Thị Anh T, sinh năm: 1986 (Giới tính: Nữ); Nguyễn Thị Huyền K, sinh năm: 1990 (Giới tính: Nữ); Nguyễn Duy K, sinh năm: 1996 (Giới tính: Nam) và Nguyễn Duy L, sinh năm: 1999 (Giới tính: Nam). Các người con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Duy P vắng mặt không ghi được lời khai nên không xác định được khối tài sản chung, nợ chung của vợ chồng có hay không. Do đó, Hội đồng xét xử cần phải tách phần tài sản chung, nợ chung không giải quyết, nếu sau này các đương sự có yêu cầu khởi kiện kèm theo chứng cứ chứng minh thì sẽ giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[7] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử nhận thấy đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[8] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Kim D phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9; Điều 51; Điều 53, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim D được ly hôn với ông Nguyễn Duy P.
2. Về con chung: Đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.
3. Về tài sản chung và nợ chung: Dành quyền khởi kiện cho bà Nguyễn Thị Kim D và ông Nguyễn Duy P thành vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.
4. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Kim D phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), được chuyển từ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu số 00001006, ngày 27/4/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.
5. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim D có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với bị đơn Nguyễn Duy P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai tại Ủy ban nhân dân xã, phường nơi bị đơn cư trú.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Vị Thủy;
- Chi cục THA dân sự huyện Vị Thủy;
- UBND xã V;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lư Trường Tây